

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày: 14 - 8 - 2020
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc Canh;
2. Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Dương Thanh N, sinh năm 1950 (có mặt);
2. Bà Lê Thị N 1 (vợ ông N), sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 545, ấp Phú T, xã An L, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị N 1: Ông Dương Thanh N; cư trú tại số nhà: 545, ấp Phú T, xã An L, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 01 năm 2020), (có mặt).

- Bị đơn:

1. Chị Võ Thị Ngọc Đ (Đ), sinh năm 1981 (vắng mặt có đơn);
2. Anh Lương Nhật T (chồng chị Đ), sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số 19, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, khóm D, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Dương Thanh N (cũng là người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị N 1) trình bày: Trước đây, vợ chồng ông N có cho chị Võ Thị Ngọc Đ và anh Lương Nhật T vay các lần như sau: Ngày 13/4/2018 vay số tiền 100.000.000đồng; ngày 16/7/2018 vay số tiền 200.000.000đồng; ngày 16/9/2018 vay số tiền 100.000.000đồng; ngày 05/10/2019 vay số tiền 200.000.000đồng và ngày 06/10/2019 vay số tiền 100.000.000đồng, tổng cộng 05 lần vay (theo 05 biên nhận) là 700.000.000đồng (bảy trăm triệu đồng).

Khi vay, chị Võ Thị Ngọc Đ và anh Lương Nhật T có ký 05 (năm) biên nhận viết tay, thống nhất thỏa thuận bên ngoài lãi suất 1,5%/tháng và đến đầu tháng 01 năm 2020 sẽ trả tiền cho ông N, nhưng chị Đ và anh T không thực hiện trả nợ. Ông N đã nhiều lần gặp chị Đ, anh T yêu cầu trả số tiền còn nợ, nhưng đến nay vẫn không trả.

Trong thời gian vay tiền, vào các ngày 06/3/2019, 06/4/2019, 08/5/2019, 19/8/2019, 19/11/2019 anh T có chuyển vào tài khoản của ông N với tổng số tiền 68.050.000đồng. Tuy nhiên, số tiền này là tiền mượn riêng, không liên quan đến tiền vay gốc 700.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Dương Thanh N yêu cầu chị Võ Thị Ngọc Đ và anh Lương Nhật T phải liên đới trả cho ông Dương Thanh N và bà Lê Thị N 1 số tiền vay còn thiếu gốc là 700.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Trong bản tự khai, các bản tường trình và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lương Nhật T trình bày: Trước năm 2014 (vài năm không rõ thời gian), trong quá trình kinh doanh, cần bổ sung vốn vay nên ông Võ Văn V (ba vợ của anh T) có vay tiền của vợ chồng ông Dương Thanh N nhiều lần, tổng cộng số tiền là 800.000.000đồng. Ngày 25/6/2014, ông Võ Văn V đã chết, nên phần nợ này chuyển sang cho vợ chồng anh T. Từ năm 2014 đến năm 2017, vợ chồng anh T đã 03 lần trả tiền cho ông N, tổng cộng là 500.000.000đồng, phần còn lại số tiền 300.000.000đồng thể hiện theo hai biên nhận vào ngày 16/7/2018 và ngày 16/9/2018, hai biên nhận này đã được đổi mới, chúng tôi không còn giữ biên nhận cũ trước đó.

Năm 2018, do cần thêm vốn kinh doanh nên vợ chồng anh T có vay thêm của vợ chồng ông N số tiền 400.000.000đồng theo 03 biên nhận vào các ngày 13/4/2018 (chưa được ký thay mới), ngày 05/10/2019 và ngày 06/10/2019 (đã được thay mới kèm theo giấy cũ bản sao).

Sau khi trả lãi hàng tháng thì ông N, bà N 1 yêu cầu anh T làm giấy nhận nợ mới. Do kinh tế khó khăn nên vợ chồng anh T và ông N thỏa thuận sẽ không tính lãi trên số tiền nợ từ tháng 12/2019.

Từ tháng 7 năm 2014 đến tháng 12 năm 2019 (65 tháng), vợ chồng anh T đã trả tiền lãi cho vợ chồng ông N với lãi suất 4%/tháng. Tổng cộng số tiền lãi đã trả được là 1.020.000.000đồng (theo bảng kê trong bản tự khai ngày 20/02/2020 của anh T). Tuy nhiên, căn cứ theo quy định của pháp luật, theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì anh chỉ phải chịu lãi suất là 13,5%/năm, tương đương là anh chỉ phải chịu số tiền lãi 290.410.000đồng. Như vậy, anh đã trả cho vợ chồng ông N số tiền lãi vượt quá quy định là 1.020.000.000đồng – 290.410.000đồng = 729.590.000đồng. Như vậy, cần trừ vào số tiền gốc 700.000.000đồng, thì vợ chồng ông N phải trả lại cho anh số tiền 29.590.000đồng.

Anh T còn khai thêm: Vào các ngày 06/3/2019, 06/4/2019, 08/5/2019, 19/8/2019, 19/11/2019, anh có chuyển trả cho ông N tiền lãi vào tài khoản của ông N với tổng số tiền 68.050.000đồng. Tiền này là tiền trả lãi chứ không phải tiền mượn riêng.

Mặc khác, vợ chồng ông N không thông báo với anh về việc thu đòi lại số tiền 700.000.000đồng, căn cứ quy định của pháp luật, ông N chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Qua yêu cầu của vợ chồng ông Dương Thanh N: Không thống nhất và yêu cầu giải quyết theo quy định. Ngoài ra, không yêu cầu, ý kiến gì thêm.

Bị đơn là chị Võ Thị Ngọc Đ: Thống nhất theo lời trình bày của anh Lương Nhật T. Ngoài ra, không yêu cầu, ý kiến gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải liên đới trả cho vợ chồng ông N số tiền vay còn thiếu gốc là 700.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Các đương sự đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Võ Thị Ngọc Đ và anh Lương Nhật T phải liên đới trả cho ông Dương Thanh N và bà Lê Thị N 1 số tiền vay còn thiếu gốc 700.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của

pháp luật được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là anh Lương Nhật T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và bị đơn là chị Võ Thị Ngọc Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Đối với yêu cầu về tiền gốc 700.000.000đồng, xét thấy vợ chồng anh T đã thừa nhận 05 (năm) biên nhận do nguyên đơn cung cấp là đúng, do vợ chồng anh T viết, ký tên và có vay tiền của vợ chồng ông N số tiền gốc 700.000.000đồng, tuy nhiên vợ chồng anh T cho rằng đã trả lãi (đóng lãi) cho vợ chồng ông N 65 tháng, thành tiền 1.020.000.000đồng, nhưng vợ chồng ông N không thừa nhận và vợ chồng anh T cũng không cung cấp được giấy tờ, chứng cứ có liên quan đến việc trả lãi.

[4] Tòa án nhân dân thị xã H đã gửi giấy triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để lấy lời khai, đối chất những nội dung có sự mâu thuẫn với nhau, nhưng anh Lương Nhật T không đến, nên Tòa án không thể tiến hành đối chất những nội dung có sự mâu thuẫn với nhau, chỉ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Tòa án nhân dân thị xã H có yêu cầu anh Lương Nhật T có yêu cầu phản tố thì nộp đơn yêu cầu phản tố để Tòa án xem xét đơn và tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng anh Lương Nhật T không nộp đơn yêu cầu phản tố nên không xem xét, giải quyết, nếu sau này xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[6] Ông N thừa nhận anh T đã nhiều lần chuyển vào tài khoản của ông N với tổng số tiền 68.050.000đồng, nhưng ông N cho rằng số tiền này là do ông cho anh T mượn riêng và mỗi lần mượn và chuyển trả xong thì ông trả giấy biên nhận lại cho anh T, số tiền này không liên quan đến tiền gốc 700.000.000đồng, xét thấy ông N khai số tiền này là tiền mượn nhưng vợ chồng anh T không thừa nhận là tiền mượn nhưng anh T khai tiền này là tiền đóng lãi hàng tháng đối với khoản vay gốc 700.000.000đồng và ông N cũng không có giấy tờ, chứng cứ chứng minh tiền này là tiền mượn riêng, nên số tiền này (68.050.000đồng) được coi như vợ chồng anh T trả tiền lãi cho vợ chồng ông N và sẽ được căn trừ vào tiền lãi.

[7] Đối với yêu cầu về tiền lãi, xét thấy nguyên đơn căn cứ vào 05 (năm) biên nhận, nhưng 05 (năm) biên nhận chỉ ghi mượn tiền, không có ghi về lãi suất. Tuy nhiên theo lời khai của anh T thì hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, còn ông N khai thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, xét thấy mặc dù 05 (năm) biên nhận không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận lãi suất bên ngoài là có thật cụ thể là anh T có trả tiền lãi nhiều lần cho ông N theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông N, xét thấy lãi suất ông N khai là 1,5%/tháng có lợi cho bị

đơn, phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cách tính tiền lãi như sau:

[8] Tiền gốc 100.000.000đồng (theo biên nhận đề ngày 13/4/2018) tính từ ngày 13/4/2018 đến ngày 06/3/2019 là 327 ngày x gốc 100.000.000đồng x 1,5%/tháng/ngày = 16.350.000đồng;

[9] Tiền gốc 200.000.000đồng (theo biên nhận đề ngày 16/7/2018) tính từ ngày 16/7/2018 đến ngày 06/3/2019 là 233 ngày x gốc 200.000.000đồng x 1,5%/tháng/ngày = 23.300.000đồng + tiền lãi 16.350.000đồng = 39.650.000đồng;

[10] Tiền gốc 100.000.000đồng (theo biên nhận đề ngày 16/9/2018) tính từ ngày 16/9/2018 đến ngày 06/3/2019 là 171 ngày x gốc 100.000.000đồng x 1,5%/tháng/ngày = 8.550.000đồng + tiền lãi 39.650.000đồng = 48.200.000đồng;

[11] Tổng cộng gốc 400.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 06/3/2019 là 48.200.000đồng – 12.000.000đồng (ngày 06/3/2019, anh T chuyển trả tiền lãi vào tài khoản của ông N) = 36.200.000đồng.

[12] Tiền gốc 400.000.000đồng tính từ ngày 07/3/2019 cho đến ngày 06/4/2019 là 31 ngày x gốc 400.000.000đồng x 1,5%/tháng/ngày = 6.200.000đồng + tiền lãi 36.200.000đồng = 42.400.000đồng - 12.000.000đồng (ngày 06/4/2019, anh T chuyển trả tiền lãi vào tài khoản của ông N) = 30.400.000đồng.

[13] Tiền gốc 400.000.000đồng tính từ ngày 07/4/2019 cho đến ngày 08/5/2019 là 32 ngày x gốc 400.000.000đồng x 1,5%/tháng/ngày = 6.400.000đồng + tiền lãi 30.400.000đồng = 36.800.000đồng - 12.000.000đồng (ngày 08/5/2019, anh T chuyển trả tiền lãi vào tài khoản của ông N) = 24.800.000đồng.

[14] Tiền gốc 400.000.000đồng tính từ ngày 09/5/2019 cho đến ngày 19/8/2019 là 103 ngày x gốc 400.000.000đồng x 1,5%/tháng/ngày = 20.600.000đồng + tiền lãi 24.800.000đồng = 45.400.000đồng - 16.050.000đồng (ngày 19/8/2019, anh T chuyển trả tiền lãi vào tài khoản của ông N) = 29.350.000đồng.

[15] Tiền gốc 400.000.000đồng tính từ ngày 20/8/2019 cho đến ngày 06/10/2019 là 48 ngày x gốc 400.000.000đồng x 1,5%/tháng/ngày = 9.600.000đồng + tiền lãi 29.350.000đồng = 38.950.000đồng.

[16] Tiền gốc 200.000.000đồng (theo biên nhận đề ngày 05/10/2019): Từ ngày 05/10/2019 cho đến ngày 06/10/2019 là 01 ngày x gốc 200.000.000đồng x 1,5%/tháng/ngày = 100.000đồng + tiền lãi 38.950.000đồng = 39.050.000đồng.

[17] Tiền gốc 100.000.000đồng (theo biên nhận đề ngày 06/10/2019) + gốc 600.000.000đồng = 700.000.000đồng tính từ ngày 07/10/2019 cho đến ngày 19/11/2019 là 44 ngày x gốc 700.000.000đồng x 1,5%/tháng/ngày = 15.400.000đồng + tiền lãi 39.050.000đồng = 54.450.000đồng - 16.000.000đồng

(ngày 19/11/2019, anh T chuyển trả tiền lãi vào tài khoản của ông N) = 38.450.000đồng.

[18] Tiền gốc 700.000.000đồng tính từ ngày 20/11/2019 cho đến ngày 14/8/2020 là 269 ngày x gốc 700.000.000đồng x 1,5%/tháng/ngày = 94.150.000đồng + tiền lãi 38.450.000đồng = 132.600.000đồng. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là 832.600.000đồng.

[19] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là ông Dương Thanh N và bà Lê Thị N 1 là có đủ chứng cứ vững chắc, nên chấp nhận.

[20] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[21] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Dương Thanh N và bà Lê Thị N 1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị Võ Thị Ngọc Đ và anh Lương Nhật T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 91 và Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc chị Võ Thị Ngọc Đ (Đ) và anh Lương Nhật T phải liên đới trả cho ông Dương Thanh N và bà Lê Thị N 1 tiền vay còn thiếu gốc 700.000.000đồng và tiền lãi 132.600.000đồng, tổng cộng 832.600.000đồng (tám trăm ba mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Dương Thanh N và bà Lê Thị N 1 có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị Võ Thị Ngọc Đ (Đ) và anh Lương Nhật T chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành cho đến khi thi hành xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Thanh N và bà Lê Thị N 1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không đặt vấn đề xử lý;

Chị Võ Thị Ngọc Đ (Đ) và anh Lương Nhật T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.978.000đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14 tháng 8 năm 2020). Đối với các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung